

**Phụ lục số 28**

**Nội dung Báo cáo hoạt động quản lý quỹ mở của Công ty quản lý quỹ**

(ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)

**BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**31.12.2017**

**1. Thông tin về quỹ**

- a) Tên của Quỹ/ loại hình Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF (VCBF-TBF)/ QUỸ MỞ**
- b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ: là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt
- c) Thời hạn hoạt động của Quỹ (nếu có): **Không giới hạn**
- d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): **50% VNIndex + 50% Trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm**
- e) Chính sách phân chia lợi nhuận: **Công ty quản lý quỹ đề xuất dựa trên báo cáo kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.**
- f) Số lượng đơn vị Quỹ đang lưu hành: **12.713.916,54**
- g) Nội dung thay đổi trong Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo: **Nội dung thay đổi Điều Lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều Lệ Quỹ mới, được Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên thông qua và được báo cáo UBCKNN**
- h) Nội dung Nghị Quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo: **Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư thường niên đã được công bố trên website của VCBF và báo cáo UBCKNN**
- i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: **Căn cứ vào thư xác nhận của Công ty quản lý quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty quản lý quỹ đã áp ứng đúng các quy định tại điều 45 Thông tư 183/2011/TT-BTC về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở về Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin.**

**2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ**

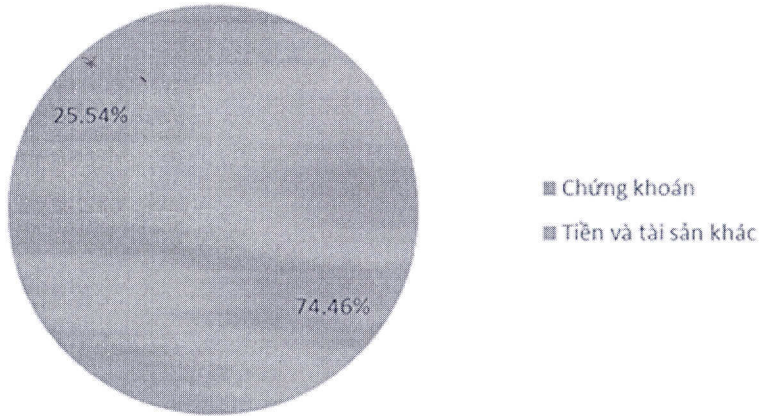
- a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ, cụ thể:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo loại tài sản (cổ phiếu/trái phiếu/tiền...) tại thời điểm 31/12/2017:



Chứng khoán: 74,46%

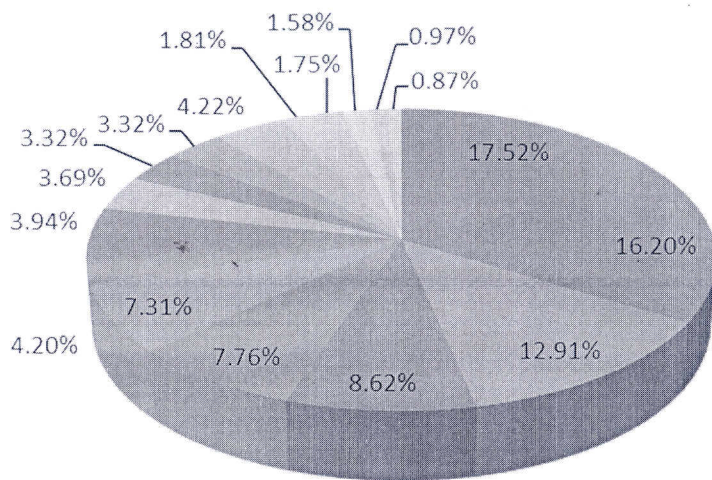
Tiền và Tài sản khác: 25,54%



- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực tại ngày 31/12/2017

Hàng hóa và dịch vụ công nghiệp	17,52%
Thực phẩm & đồ uống	16,20%
Ngân hàng	12,91%
Dầu khí	8,62%
Vật liệu xây dựng	7,76%
Viễn thông	7,31%
Hóa chất	4,20%
Tài chính	3,94%
Hàng tiêu dùng	3,69%
Y tế	3,32%
Ô tô và phụ tùng	3,32%
Nông nghiệp	4,22%
Bất động sản	1,81%
Bán lẻ	1,75%
Bảo hiểm	1,58%
Tiện ích cơ bản	0,97%
Vận tải	0,87%

LIÊN HỮU VIỆT KI



- Hàng hóa và dịch vụ công nghiệp
- Thực phẩm và đồ uống
- Ngân hàng
- Dầu khí
- Vật liệu xây dựng
- Viễn thông
- Hóa chất
- Tài chính
- Hàng tiêu dùng
- Y tế
- Ô tô và phụ tùng
- Nông nghiệp
- Bất động sản
- Bán lẻ
- Bảo hiểm
- Tiện ích cơ bản
- Vận tải

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ: **VNĐ 251.751.917.501**
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ: **VNĐ 19.801,28**
- Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành: **12.713.916,54 Chứng Chỉ Quỹ**
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/ thấp nhất:
  - Cao nhất: VNĐ 19.801,28 (ngày 31/12/2017)**
  - Thấp nhất: VNĐ 15.138,95 (ngày 04/01/2017)**

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

<b>Tổng thu nhập của quỹ trong năm 2017:</b>	<b>VNĐ 57.316.963.950, trong đó</b>
+ Thu nhập từ tiền lãi:	<b>VNĐ 3.916.893.290</b>
+ Thu nhập từ cổ tức:	<b>VNĐ 6.641.045.300</b>
+ Thu nhập từ bán chứng khoán:	<b>VNĐ 5.633.646.027</b>
+ Thu nhập về đánh giá lại các khoản đầu tư:	<b>VNĐ 40.959.059.940</b>
+ Thu nhập khác:	<b>VNĐ 166.319.393</b>
<b>Tổng chi phí của quỹ:</b>	<b>VNĐ 4.154.645.124</b>
<b>Lợi nhuận của quỹ:</b>	<b>VNĐ 53.162.318.826</b>



- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: **Quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2017**

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

**Tỷ lệ chi phí hoạt động năm 2017: 2,14%**

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục:

**Tốc độ vòng quay danh mục năm 2017: 22,64%**

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- (i) trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm): **31,32%/năm**
- (ii) trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm): **21,86%/năm**
- (iii) trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 5 năm): **18,51%/năm**

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: **phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt.**

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: **dữ liệu về giá chứng khoán được lấy từ nguồn Bloomberg hoặc Reuter.**

### 3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ:

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: **Không có.**

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: **Năm 2017, Quỹ đạt được mục tiêu đầu tư là gia tăng phần vốn gốc.**

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):

**Tăng trưởng Giá trị tài sản ròng của Quỹ năm 2017: 31,32%**

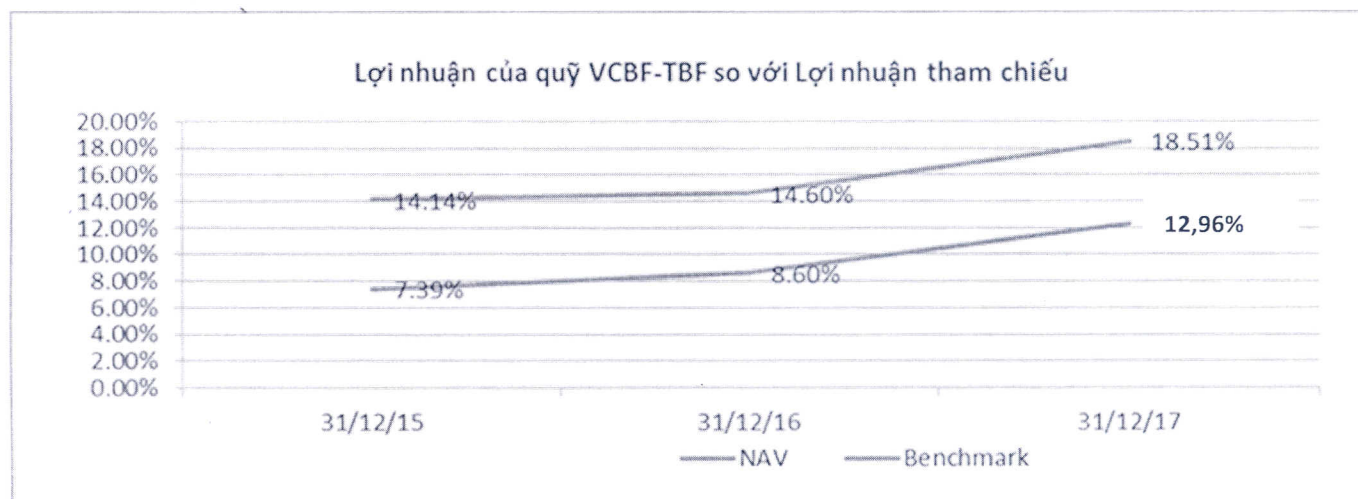
**Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu năm 2017: 27,12%**

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

==  
[G]  
DO  
QUY  
KH  
MB  
[L]

Ngày	Lợi nhuận (*) của quỹ VCBF-BCF	Lợi nhuận (*) tham chiếu
31/12/15	14.14%	7.39%
31/12/16	14.60%	8.60%
31/12/17	18.51%	12.96%

\*Lợi nhuận bình quân năm được tính theo phương pháp lợi nhuận kép từ thời điểm thành lập Quỹ



e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ: **Chiến thuật và chiến lược đầu tư trong kỳ theo sát chiến lược và chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, đó là đầu tư vào một danh mục đa dạng thông qua quá trình định giá giá trị của công ty.**

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

	Năm 2017	Năm 2016
Chứng khoán:	74,46%	66,09%
Tiền và Tài sản khác:	25,54%	33,91%

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2016: VNĐ 15.078,23

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2017: VNĐ 19.801,28

Tăng trưởng Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ năm 2017: 31,32%

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

NH  
 ĐẦU  
 ĐÁI  
 ANH  
 P.



Lợi suất của trái phiếu giảm từ mức 6,205% tại thời điểm 01/01/2017 xuống 5,128% tại thời điểm 01/01/2018.

VNindex tăng từ 664,87 điểm tại ngày 31/12/2016 lên 984,24 điểm tại ngày 31/12/2017, tăng 48,03%

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): **Không có.**

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: **Không có.**

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có):

**Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan cuối kỳ: 52,17%**

m) Các thông tin khác (nếu có): **Không có.**

**4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát: nội dung như trình bày trong báo cáo giám sát của Ngân Hàng Standard Chartered Chi nhánh Hồ Chí Minh**

**Thời gian giám sát hoạt động Quỹ: từ 01/01/2017 đến 31/12/2017**

Ngân hàng giám sát phải đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ Vietcombank trong quá trình vận hành và quản lý quỹ Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBTBF) đối với các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): **từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không thay đổi Ngân hàng giám sát.**

b) Việc đầu tư tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về vay theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch : **trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ VCBTBF từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, hạn mức đầu tư Quỹ đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế về cho vay theo quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật có liên quan.**

**Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quỹ không có bất kỳ hợp đồng vay và cho vay.**

c) Việc xác định giá, đánh giá tài sản ròng của Quỹ: **việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.**

d) Việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ: **việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ được tuân thủ theo quy định pháp luật liên quan hiện hành, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.**

**Từ ngày 01/01/2017 ngày 31/12/2017, Quỹ đã thực hiện:**

- **Phát hành thêm chứng chỉ Quỹ: phát hành thêm 4.551.430,74 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 45,514,307,400 đồng.**
- **Mua lại chứng chỉ Quỹ: mua lại 1.897.161,23 chứng chỉ Quỹ tương ứng với tổng giá trị mua lại theo mệnh giá là 18,971,612,300 đồng.**

e) Việc phân chia lợi nhuận của quỹ: **từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.**

**5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền**



Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền) như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng...với nội dung sau:

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

**Chi phí trả cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) cho dịch vụ quản trị quỹ: VNĐ 178.200.000 chiếm 4,28% tổng chi phí hoạt động.**

**Chi phí trả cho Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cho dịch vụ Đại lý chuyển nhượng: VNĐ 132.000.000 chiếm 3,18% tổng chi phí hoạt động.**

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: **Không có.**

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty quản lý quỹ)

d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa...của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: **VCBF đã thực hiện việc đánh giá thường niên các dịch vụ ủy quyền bao gồm khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... để đảm bảo rằng bên nhận ủy quyền đang thực hiện tốt và đầy đủ các chức năng theo hợp đồng ủy quyền đã ký, các hoạt động ủy quyền ko gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến Quỹ và nhà đầu tư.**

Công ty Liên doanh Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Vietcombank



Bùi Sỹ Tân

Phó Tổng Giám Đốc

